

HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

PHẠM NGỌC DŨNG (chủ biên). **Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng nhà nước pháp quyền**. H.: Chính trị quốc gia, 2009, 196 tr.

HOÀNG HƯNG
lược thuật

Cuốn sách gồm 3 chương, được các tác giả tập trung phân tích những vấn đề liên quan đến xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân - một nội dung quan trọng, yếu tố quyết định đối với quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay và đề xuất nhiều giải pháp nhằm xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền Việt Nam theo quan điểm chủ nghĩa Marx-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chương 1 – *Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về nhà nước pháp quyền* (tr.7-23)

Trước khi phân tích quan điểm của Chủ nghĩa Marx-Lênin về nhà nước pháp quyền (NNPQ), các tác giả đã hệ thống các quan điểm chủ yếu về NNPQ xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử nhân loại và đúc rút ra một số tư tưởng cơ bản về NNPQ, bao gồm:

- *Thứ nhất*, nhân dân là chủ thể quyền lực nhà nước. Dưới NNPQ, nhà nước không chỉ được nhận thức là công cụ cai trị, mà còn được nhận thức là bộ máy phục vụ nhân dân. Do đó, trong NNPQ, nhà nước không chỉ là nhà nước giai cấp, mà còn là nhà nước của cộng đồng quốc gia - dân tộc.

- *Thứ hai*, tư tưởng tôn trọng và bảo vệ công dân và quyền con người. Tư

tưởng này thể hiện trên các mặt chủ yếu như: (i) các quyền tự nhiên cơ bản nhất, thiêng liêng nhất của con người (như quyền được sống, quyền bình đẳng, quyền tự do dân chủ, quyền mưu cầu hạnh phúc); (ii) các quyền dân chủ chính trị quan trọng hàng đầu;

- *Thứ ba*, đảm bảo và phát huy quyền tự do, dân chủ cho mọi công dân.

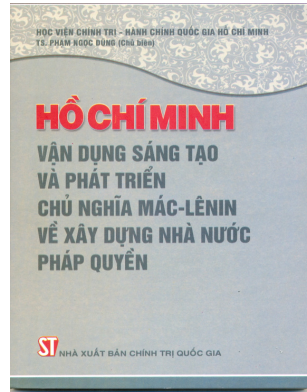
- *Thứ tư*, tính thượng tôn của pháp luật.

- *Thứ năm*, tổ chức nhà nước theo nguyên tắc phân quyền.

Phân tích những ưu điểm và hạn chế của các tư tưởng về NNPQ trước Marx, các tác giả khẳng định, trên cơ sở thế giới quan duy vật biện chứng về lịch sử, kế thừa những tư tưởng tiến bộ của nhân loại về nhà nước, Marx, Lenin đã khắc phục

những hạn chế tồn tại, hướng tới một NNPQ đích thực, trong đó Marx và Engels đề xướng nhà nước cách mạng của giai cấp vô sản, Lenin đóng góp và đổi mới.

Mặc dù khái niệm về NNPQ chưa được Marx, Lenin sử dụng, nhưng những quan điểm cốt lõi của NNPQ trong nhà nước cách mạng lại được các ông đề cập sâu sắc, khoa học và cách mạng. Đó là nhà nước kiểu mới “Nhà nước của nhân dân”, nhà nước được xây dựng trên cơ sở chế độ “dân chủ triệt để”, “dân chủ đến cùng”, pháp chế nghiêm minh theo hướng giải phóng con người, giải phóng giai cấp và xã hội. “Biến nhà nước từ cơ quan đứng trên xã hội thành cơ quan hoàn toàn phục vụ xã hội”, “pháp luật phải lấy xã hội là cơ sở”, “luật pháp tồn tại vì con người” (tr.42-43).



Chương 2 – *Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng nhà nước pháp quyền* (tr.84 – tr.131).

Trong chương này, các tác giả tập trung phân tích lý giải 2 nội dung chủ yếu sau:

** Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền dân chủ nhân dân*

Các tác giả cho rằng, tư tưởng về NNPQ dân chủ nhân dân đã được manh nha ngay từ khi Nguyễn Ái Quốc gửi *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* (1919) đòi thay đổi “chế độ ra sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”, được đăng trên báo L’Humanité, và trong bài *Việt Nam yêu cầu ca* (1922):

“Bây xin Hiến pháp ban hành

Trăm điều phải có thân linh pháp quyền”.

Tư tưởng NNPQ được Người xác lập rõ nét trong *Tuyên ngôn Độc lập*, ngày 2/9/1945. Hiến pháp năm 1946 do Hồ Chí Minh trực tiếp làm Trưởng ban soạn thảo thể hiện khá đậm nét tính chất và nội dung của tinh thần “Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân”.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước dân chủ nhân dân là một hệ thống lý luận với những nội dung rất phong phú, thể hiện ở những điểm nổi bật:

1. Nhà nước dân chủ nhân dân phải là nhà nước có nền dân chủ thực sự và toàn diện

Nhờ phương pháp biện chứng của Chủ nghĩa Marx-Lenin, học tập kinh nghiệm cách mạng thế giới, kế thừa những tinh hoa văn hóa dân tộc Việt Nam, tinh hoa văn hóa phương Đông và phương Tây, nhất là thời kỳ Khai sáng, Hồ Chí Minh đã khẳng định, cơ sở xã hội của nhà nước Việt Nam là dân tộc.

Theo Người, cơ sở tồn tại và phát triển của nhà nước là dân tộc, đại đoàn kết và hòa hợp dân tộc. Tư tưởng đầu tiên về NNPQ của người là vấn đề dân chủ hóa. Người không những rất quan tâm đến vấn đề dân chủ hóa và còn làm sao cho nhân dân được hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ. Người khẳng định: trong nhà nước dân chủ nhân dân, quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước (tr. 94). Với tư tưởng đó, Người đã triển khai trong quá trình xác lập quyền dân chủ ở Việt Nam thông qua các bản Hiến pháp như: Hiến pháp 1946, Hiến pháp 1959 và các chính sách cụ thể của Chính phủ. Theo Người, dân chủ là của cải quý nhất của nhân dân, chuyên chính

là cái khóa, cái cửa để phòng kẻ phá hoại... chuyên chính là để giữ dân chủ.

2. Nhà nước pháp quyền dân chủ nhân dân phải là nhà nước thực hiện quản lý xã hội bằng hệ thống pháp luật dân chủ

Hồ Chí Minh đã có quan niệm mới về NNPQ, đó là nhà nước quản lý xã hội bằng hệ thống pháp luật, nhưng không phải là hệ thống pháp luật bất kỳ, mà là hệ thống pháp luật dân chủ. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, song đó phải là pháp luật mang tính dân chủ, thể hiện được lợi ích của số đông. Người cho rằng, “pháp luật của chúng ta là ý chí của giai cấp công nhân. Pháp luật của chúng ta hiện nay bảo vệ quyền lợi hàng triệu người lao động. Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động” (tr.101-102).

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định khái niệm về nhà nước dân chủ nhân dân, thể hiện rõ trong hệ thống luật mà Người chỉ đạo xây dựng, trong hành động và những lời nói. Nhà nước, theo Người, quản lý xã hội theo hệ thống pháp luật dân chủ cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối nội, đối ngoại,...

Về phương thức hoạt động của nhà nước, Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc từ nhiều nhà tư tưởng lớn của nhân loại và được nhấn mạnh rằng “nhà nước phải là đầy tớ của nhân dân”. Đây là quan điểm rất hiếm trên thế giới xét trong điều kiện một nước nông nghiệp lạc hậu, tâm lý tiểu nông chi phối xã hội như Việt Nam.

3. Nhà nước pháp quyền dân chủ nhân dân phải là công cụ bảo vệ và phát triển con người và quyền con người

Trên cơ sở quan điểm của Chủ nghĩa Marx-Lenin, trong điều kiện Việt Nam và thời đại mới, Hồ Chí Minh đã có cách

tiếp cận rất sâu sắc về vấn đề con người và quyền con người, thể hiện ở các mặt chủ yếu sau đây:

- *Thứ nhất*, Người có cái nhìn sâu sắc vào bản chất bên trong của con người. Người cho rằng, “con người dù là xấu, tốt, văn minh hay dã man đều có tình” (tr.106).

- *Thứ hai*, đảm bảo quyền con người. “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi. Đây là tất cả những gì tôi muốn, đây là tất cả những gì tôi hiểu” (tr.108).

Tư tưởng về con người, quyền con người đã được Hồ Chí Minh bổ sung, phát triển trong quá trình xây dựng nền dân chủ nhân dân, nhà nước kiểu mới của dân, do dân, vì dân và hệ thống pháp luật dân chủ. Ngay trong giai đoạn tiền khởi nghĩa tháng Tám, Nghị quyết về Tổng khởi nghĩa đã có quy định về vấn đề nhân quyền như:

“Ban bố những quyền của dân, do dân:

a. Nhân quyền;

b. Tài quyền (quyền sở hữu)

c. Dân quyền: quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng, ngôn luận hội họp, đi lại, dân tộc bình quyền, nam nữ bình quyền”.

Tư tưởng này của Người đã được thể chế hóa ở 18 điều trong Hiến pháp 1946 và 21 điều trong Hiến pháp 1959.

4. Nhà nước pháp quyền phải là nhà nước có sự phân quyền trong việc thực hiện quyền lực nhà nước

Vào những năm đầu của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mặc dù không đề cập đến tam quyền phân lập, nhưng tư tưởng phân quyền của Người đã được thể hiện sâu sắc trong Hiến pháp 1946. Theo đó, Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền lực cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa; Chính phủ, là cơ quan hành chính cao nhất toàn quốc. Trong Hiến pháp 1946, các quyền được phân định rõ, quyền đó là

của nhân dân và được nhân dân giao quyền. Hiến pháp cũng quy định: quan hệ giữa Chính phủ và Nghị viện nhân dân là mối quan hệ phối hợp chặt chẽ và kiểm soát lẫn nhau thông qua cơ chế chất vấn. Cơ quan tư pháp được tổ chức và hoạt động độc lập với cơ quan lập pháp và hành pháp. Không một cơ quan nào được can thiệp vào hoạt động xét xử (tr. 110-111).

Không chỉ chú ý thực hiện phân quyền trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Vai trò của Đảng được Hồ Chí Minh nêu cao và được công nhận một cách sâu sắc, tự nguyện. Một Đảng cầm quyền nhưng không cai trị, một Đảng duy nhất lãnh đạo nhưng không Đảng quyền, mà biết tôn vinh nhà nước.

** Khái quát quá trình nhận thức và thực hiện nhà nước pháp quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam*

Trong phần này, các tác giả đã phân tích quá trình nhận thức và thực hiện NNPQ của Đảng Cộng sản Việt Nam trên các mốc thời gian chủ yếu như sau:

- *Giai đoạn sau khi giành chính quyền (8/1945 đến 1953)*: Dưới sự lãnh đạo của Đảng mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 6/11/1946, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp đầu tiên, mở ra một trang sử mới cho lịch sử lập hiến của Việt Nam.

Ngoài Hiến pháp 1946, trong tiến trình xây dựng Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật liên quan đến các lĩnh vực thiết yếu của đời sống xã hội, từ: tổ chức chính quyền cách mạng, xóa bỏ đặc quyền, đặc lợi của thực dân và phong kiến, chống giặc đói, giặc dốt,... Trong thời kỳ này, Nhà nước ta đã có: Bộ luật Lao động (Quốc hội thông qua năm

1946), Luật Cải cách ruộng đất năm 1953 và khoảng 400 sắc lệnh của Chính phủ. Hệ thống pháp luật của Nhà nước đã từng bước được xây dựng và hoàn thiện, nhưng chưa đầy đủ và toàn diện mà chủ yếu là luật pháp thời chiến bằng hình thức sắc lệnh là chính.

- *Giai đoạn 1954-1976*: dưới sự lãnh đạo của Đảng, việc xây dựng pháp luật đã được đẩy mạnh hơn. Nhà nước đã xây dựng và ban hành 12 đạo luật, 14 pháp lệnh, 4 sắc lệnh... Tuy nhiên, do hoàn cảnh chiến tranh ác liệt ở cả hai miền, cả nước phải tập trung vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, việc xây dựng hệ thống pháp luật trong thời kỳ này chưa được coi trọng.

- *Giai đoạn 1976-1986*: việc xây dựng pháp luật đã được đẩy mạnh hơn so với thời kỳ trước. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã xây dựng và ban hành được 10 đạo luật, 15 pháp lệnh và nhiều văn bản pháp quy của Chính phủ. Tuy nhiên, đất nước chuyển từ thời chiến sang thời bình, Đảng và Nhà nước ta chậm đổi mới nhận thức về tư duy pháp lý, các văn bản mang tính lập pháp của Quốc hội còn ít, thiếu nhiều bộ luật và đạo luật quan trọng. Thực tế đã lẫn lộn chức năng lập pháp và hành pháp, hệ thống pháp luật còn chưa đồng bộ và còn mâu thuẫn, chồng chéo. Nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật của nhân dân, kể cả cán bộ, đảng viên bị suy giảm (tr. 114-115).

- *Giai đoạn từ 1986 đến nay*: dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở thực tiễn và thực tế quá trình hơn 20 năm đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng nhận thức rõ hơn tư tưởng Hồ Chí Minh và tư tưởng về NNPQ của nhân loại và thực hiện có hiệu quả việc xây dựng NNPQ của dân, do dân và vì dân. NNPQ đã được định hướng xây dựng

lại từ năm 1986 (Đại hội VI của Đảng). Phạm trù phân quyền đã được định danh lại từ năm 1991 (tại Đại hội VII của Đảng). Phạm trù pháp chế XHCN được định hình năm 1996. Và đến năm 2001, khái niệm “nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” đã được định danh. Tư tưởng NNPQ đã được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định như một tất yếu và chính thức được hiến định. Điều này đã trở thành không thể đảo ngược trong quá trình đổi mới kinh tế theo hướng thị trường và tiến trình cải cách chính trị, xã hội theo hướng NNPQ, xã hội dân sự.

Chương 3 - Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền Việt Nam theo quan điểm Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (tr. 132-182)

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, vấn đề xây dựng và hoàn thiện nhà nước cách mạng kiểu mới, nhà nước dân chủ nhân dân luôn là mối quan tâm hàng đầu, một nhiệm vụ trọng tâm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng ta đặc biệt coi trọng cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với tình hình Việt Nam và thế giới. Để xây dựng và hoàn thiện NNPQ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, theo các tác giả, cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

1. Phát huy dân chủ, thực hiện quyền dân chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội

- *Phát huy dân chủ phải bảo đảm được quyền làm chủ của nhân dân trên thực tế* bằng việc thúc đẩy sự tham gia tích cực của người dân vào công việc của Nhà nước.

Nhân dân được tham gia xây dựng các tổ chức bộ máy của hệ thống quyền lực và lựa chọn các đại biểu của mình bằng bầu cử, theo cả hai phương thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp.

Nhân dân tham gia công việc quản lý nhà nước, thực hiện quyền lực của mình bằng đề xuất, đóng góp ý kiến vào các dự thảo luật; đề xuất các ý kiến với chính quyền các cấp về những vấn đề liên quan đến nhà nước và xã hội; tham gia đánh giá chính sách, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung, sửa chữa chính sách cho phù hợp với thực tế; đánh giá, giám sát, nhận xét và chất vấn về hoạt động của các tổ chức và viên chức nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ của các đại biểu do dân ủy quyền; giám sát công việc, hành vi, tư cách của họ trong thái độ và hiệu quả phục vụ nhân dân. Nhân dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, phát hiện và đề nghị thanh tra, xử lý các hiện tượng tham nhũng, các vụ việc vi phạm chính sách, pháp luật, đạo đức của công chức nhà nước. Nhân dân có quyền đòi hỏi các tổ chức, cơ quan và các công chức nhà nước phải cung cấp thông tin kịp thời cho dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

- *Tăng cường sự giám sát của nhân dân đối với Nhà nước:* Nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của Nhà nước là một nội dung quan trọng trong việc thực hành quyền dân chủ. Nhân dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội thông qua các đoàn thể, các tổ chức chính trị – xã hội trong hệ thống chính trị và nhất là các tổ chức tự quản. Thực hiện tốt việc tổ chức các hoạt động mang đậm nét tính nhân dân sẽ hỗ trợ rất lớn cho công việc quản lý xã hội của Nhà nước có hiệu quả hơn. Để phát huy tối đa sức mạnh đó, Đảng và Nhà nước cần chú trọng hoàn thiện luật pháp, tạo ra khung pháp lý và hệ thống thể chế, các chế định pháp luật để nhân dân dựa vào đó tự tổ chức cuộc sống một cách hợp lý, tự giải quyết nhanh chóng và có hiệu quả những sự việc xảy ra.

2. Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật dân chủ và tổ chức thực hiện pháp luật

Việt Nam cần tập trung mọi nguồn lực, đề cao trách nhiệm của các ngành, các cấp, phấn đấu xây dựng hệ thống pháp luật đủ về số lượng, cao về chất lượng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống, nhất là đối với sự hoạt động của Đảng và Nhà nước, để đến năm 2020, hệ thống pháp luật về cơ bản đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch.

- Trong lĩnh vực kinh tế, cần tập trung hoàn thiện chế độ pháp lý về việc thể chế hóa kinh tế thị trường định hướng XHCN với những nội dung cơ bản: giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người làm giàu.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về giáo dục, đào tạo nhằm tạo ra cơ sở pháp lý cho việc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân nhằm “phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao”. Hoàn thiện pháp luật về khoa học và công nghệ nhằm “nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của khoa học và công nghệ”.

- Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, đảm bảo công bằng xã hội; thể chế hóa chính sách dân số và gia đình; xây dựng và hoàn thiện pháp luật về dịch vụ công, thiết yếu, chăm sóc sức khỏe, văn hóa – thông tin, thể dục thể thao. Hoàn thiện pháp luật về dân tộc và tôn giáo; xây dựng hệ thống luật pháp an sinh xã hội đa dạng; xây dựng luật pháp y tế công bằng và hiệu quả. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực xuất bản và thông tin theo hướng đảm bảo tự do, dân chủ, hoàn thiện luật pháp phòng chống các tệ nạn xã hội...

- Xây dựng và hoàn thiện luật bảo vệ biên giới lãnh thổ theo quan điểm: “Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện;

bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hóa và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không dễ bị động, bất ngờ” (tr.150-151).

- Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành của các cơ quan quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp, cơ quan đảng và cán bộ, công chức nhà nước. Đẩy mạnh công tác tổ chức thi hành pháp luật, đảm bảo cho hệ thống pháp luật đi vào cuộc sống, phát huy hiệu lực và hiệu quả.

3. Đổi mới hơn nữa tổ chức phân công quyền lực nhà nước

Tổ chức và phân công quyền lực (phân quyền) là vấn đề mấu chốt trong tổ chức bộ máy nhà nước, là một nhân tố bảo đảm cho bộ máy nhà nước hoạt động có hiệu quả, hiệu lực. Để thực hiện tốt việc tổ chức này, các tác giả nhấn mạnh một số giải pháp sau:

- Thống nhất về nhận thức quan điểm của Đảng về phân quyền, nhấn mạnh “quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp” (tr.156). Cần nhận thức rõ, quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp là một thể thống nhất của quyền lực nhà nước; và phân quyền chỉ là phương thức thực thi quyền lực nhà nước có hiệu quả hơn bằng cơ chế kiểm tra, kiềm chế sự lạm quyền, lạm quyền giữa các yếu tố trong hệ thống quyền lực.

- Phải bảo đảm nguyên tắc tất cả các quyền lực chính trị và quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Đặc biệt, hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính khả

thi các điều luật hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm chế sự lạm quyền của các cá nhân, cơ quan công quyền.

Các giải pháp cụ thể đối với *cơ quan lập pháp (Quốc hội)* được nhấn mạnh như: nâng cao chất lượng và hiệu quả trong việc thực hiện các chức năng của Quốc hội; phát huy vai trò, nâng cao năng lực của đại biểu Quốc hội; kiện toàn và tổ chức hoạt động của Quốc hội theo hướng nâng cao vai trò của các ủy ban và Hội đồng dân tộc;...

Đối với hoạt động của *cơ quan hành pháp (Chính phủ)*, theo các tác giả, để xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, theo nguyên tắc phân quyền dưới sự lãnh đạo của Đảng, cần thực hiện một số giải pháp sau:

(i) Tuân thủ một cách triệt để các nguyên tắc tổ chức và cơ chế vận hành của Chính phủ do Hiến pháp quy định.

(ii) Chính phủ phải được tổ chức thành một hệ thống ổn định, hoạt động thông suốt trên cơ sở phân công, phân cấp và trách nhiệm cá nhân, chịu sự giám sát của nhân dân, ngăn ngừa những hành vi lạm quyền, lạm quyền mất dân chủ, tùy tiện, quan liêu, tham nhũng.

(iii) Chủ trương, biện pháp cải cách chính phủ theo hướng nền hành chính nhà nước gắn với bước đi xây dựng kinh tế thị trường, phát triển xã hội dân sự định hướng XHCN

Đối với *cơ quan tư pháp*, các tác giả nhấn mạnh, căn cứ vào định hướng của Đảng, các cơ quan tư pháp phải thực hiện đồng bộ ba mặt: (i) thể chế, tổ chức và đội ngũ cán bộ; (ii) phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động tư

pháp; đổi mới hoạt động của các cơ quan tư pháp; (iii) chấn chỉnh các tổ chức và các hoạt động hỗ trợ tư pháp, đẩy mạnh xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng theo yêu cầu xây dựng NNQP Việt Nam.

4. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước

Vấn đề quan trọng hàng đầu trong giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước là cần phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn lãnh đạo chính trị của Đảng với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quản lý của Nhà nước. Theo các tác giả, cần tiếp tục đổi mới trên các nội dung chính sau:

- Thứ nhất, Đảng lãnh đạo Nhà nước chủ yếu bằng đường lối, quan điểm, các nghị quyết, tiếp tục lãnh đạo các cơ quan quyền lực nhà nước bằng sự kiểm tra, giám sát

- Thứ hai, Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Thứ ba, phương thức lãnh đạo của Đảng cần nhấn mạnh hơn nữa thông qua sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, một trong nội dung của phương thức lãnh đạo của đảng là nêu cao tấm gương của cán bộ, đảng viên và tổ chức Đảng.

Do vậy, tổ chức đảng các cấp và cán bộ, đảng viên phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật, chính sách của Nhà nước. Đặc biệt, cán bộ ở cấp càng cao thì càng phải gương mẫu, phải giữ gìn phẩm chất, thực hiện tốt tư tưởng “cần, kiệm, liêm, chính”.

- Thứ tư, tăng cường lãnh đạo bằng công tác kiểm tra. Cần nhận thức rõ và thi hành đúng quan điểm Đảng lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát.